**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRƯỜNG KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**KHOA CHÍNH TRỊ BÁO CHÍ**

****

**BÁO CÁO THỰC TẬP CUỐI KHOÁ**

***(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số: 02 / HD-ĐHV ngày 05 /02/2024***

***của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)***

**Họ và tên sinh viên: Thò Bá Hải**

**Msv: 205731020510003**

**Ngành: Quản lý nhà nước**

**Khoa: Chính trị báo chí**

**Giáo viên hướng dân: TS Nguyễn Thị Lê Vinh**

**Địa điểm thực tập: Ủy ban nhân dân thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An**

*TP. Vinh 4 năm 2024*

# THÔNG TIN THỰC TẬP

Tên đơn vị thực tập: Uỷ ban nhân dân thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Tên bộ phận thực tập: Phòng lao động thương binh và xã hội

Các nhiệm vụ thực tập: Rà soát tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo, những người có công với cách mạng, chi trả tiền điều dưỡng hàng tháng cho các thương binh liệt sĩ…. của các đơn vị hành chính thuộc ủy ban nhân dân thành phố vinh, Tỉnh Nghệ An.

Thời gian thực tập: Từ ngày 4 tháng 3 năm 2024 đến ngày 28 tháng 4 năm 2024

Người hướng dẫn thực tập: Chuyên viên Nguyễn Hà Xuyên

# LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến quý thầy cô giáo đang giảng dạy và làm việc tại Trường Đại Học Vinh nói chung và ngôi nhà thân yêu Khoa chính trị báo chí nói riêng lời chúc sức khỏe và thành đạt. Chúc quý thầy cô giáo luôn thành công trong sự nghiệp giáo dục đào tạo cũng như tất cả các lĩnh vực trong cuộc sống.

Đặc biệt em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc và lời cảm ơn chân thành tới Giảng viên TS Nguyễn Thị Lê Vinh người đã hướng dẫn tận tình đầy trách nhiệm trong suốt thời gian em thực tập và hoàn thành báo cáo tốt nghiệp này.

Qua đây em cũng xin gửi lời cảm ơn đến ban lãnh đạo Uỷ ban nhân dân thành phố vinh và các dì các chị trong Phòng lao động thương binh – xã hội, đặc biệt là Dì chuyên viên Nguyễn Hà Xuyên và Dì chuyên viên Nguyễn Thúy Trinh đã tận tình hướng dẫn em trong thời gian thực tập, tạo điều kiện cho em được tiếp xúc với thực tế và đã truyền đạt cho em những kinh nghiệm mà các dì đã làm trong công việc giao nhận, giúp em hoàn thiện đồ án này, cũng như tránh những bỡ ngỡ trước em bước vào công việc thực tế của mình sau khi ra trường.

Trong quá trình đào tạo sinh viên chính quy của Đại học vinh thì thực tập cuối khóa là một khâu vô cùng quan trọng đây là trang bị cho sinh viên những kiến thức thực tế, những kỹ năng thực hành trong công việc của các cơ quan hành chính nhà nước những kiến thức mà chỉ có trong quá trình thực hành thực tế mới có được. Và cũng thông qua quá trình này những sinh viên đã hiểu về tổ chức và hoạt động của bộ máy hành chính, cơ cấu chức năng, nhiệm vụ nắm vững quá trình thực tập nắm vững các thủ tục hành chính trong cơ quan nhà nước.

Thực hiện sự phân công của nhà trường, đoàn thực tập chúng em được phân công thực tập ở Uỷ ban nhân dân thành phố vinh. Trong quá trình thực tập ở đây được sự giúp đỡ rất nhiệt tình, cùng với sự quan tâm của các cán bộ, các Dì và các chị trong phòng cũng như trong cơ quan đã giúp chúng em hoàn thành quá trình thực tập này, với những hiểu biết nhất định về cơ quan sự nghiệp này.

Trong quá trình thực tập và làm báo cáo chắc hẳn không thể tránh những thiếu sót, rất mong nhận được ý kiến đóng góp của quý thầy cô và Phòng lao động thương binh – xã hội Uỷ ban nhân dân thành phố vinh, để bài báo cáo được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin chúc tất cả qúy Thầy giáo, Cô giáo Khoa chính trị Báo chí Trường khoa học xã hội và Nhân văn nói riêng và Trường Đại học Vinh nói chung cùng với các Bác các Dì Phòng lao động thương binh – xã hội nói riêng và Uỷ ban nhân dân Thành phố vinh nói chung, nhiều sức khỏe luôn thăng tiến trong công việc và đạt được nhiều thành tích mong muốn trong cuộc sống.

Em xin trân trọng cảm ơn!

# DANH MỤC VIẾT TẮT

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | TỪ VIẾT TẮT | NGUYÊN NGHĨA |
|  | HĐND | HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN |
|  | UBND | ỦY BAN NHÂN DÂN |
|  | BKH | BỘ KẾ HOẠCH |
|  | BTC | BỘ TÀI CHÍNH |
|  | BLĐTB & XH | BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH & XÃ HỘI |
|  | TTg | THỦ TƯỚNG |
|  | QĐ | QUYẾT ĐỊNH |
|  | TTLT | THÔNG TƯ LIÊN TỊCH |
|  | NĐ | NGHỊ ĐỊNH |
|  | TT | THÔNG TƯ |
|  | CT | CHỈ THỊ |
|  | MTQG | MỤC TIÊU QUỐC GIA |
|  | XKLD | XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG |
|  | CN | CÔNG NGHIỆP |
|  | TTCN | TRUNG TÂM CÔNG NGHIỆP |
|  | BHYT | BẢO HIỂM Y TẾ |
|  | BHXH | BẢO HIỂM XÃ HỘI |
|  | THCS | TRUNG HỌC CƠ SỞ |
|  | HS, SV | HỌC SINH, SINH VIÊN |
|  | NN PTNN | NÔNG NGIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN |

MỤC LỤC

[THÔNG TIN THỰC TẬP 2](#_Toc165608412)

[LỜI CẢM ƠN 3](#_Toc165608413)

[DANH MỤC VIẾT TẮT 5](#_Toc165608414)

[PHẦN 1. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ THỰC TẬP 7](#_Toc165608415)

[**1.1.** **Giới thiệu tổng quan về TP Vinh, Tỉnh Nghệ An.** 7](#_Toc165608416)

[**1.1.1.** **Lịch sử hình thành và phát triển.** 7](#_Toc165608417)

[**1.1.2.** **Bộ máy quản lý ủy ban nhân dân thành phố vinh, Tỉnh Nghệ An.** 9](#_Toc165608418)

[**1.1.3. Số lượng, cơ cấu công chức của UBNDTP Vinh** 12](#_Toc165608419)

[PHÂN 2 KẾT QUẢ THỰC TẬP. 17](#_Toc165608420)

[**2.1. Thực trạng nghèo và những kết quả đạt được trong công tác giảm nghèo thời gian qua.** 17](#_Toc165608421)

[**2.2. Tình hình nghèo ở thành phố vinh.** 17](#_Toc165608422)

[**2.3 Nguyên nhân dẫn đến đói nghèo ở thành phố vinh.** 19](#_Toc165608423)

[**2.4. Công tác giảm nghèo ở thành phố vinh trong thời gian tới.** 22](#_Toc165608424)

[**2.4.1 Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế.** 22](#_Toc165608425)

[**2.4.2.** **Đào tạo và nâng cao tay nghề của người lao động.** 24](#_Toc165608426)

[**2.4.3.** **Một số chính sách đối với người nghèo trong việc phát triển kinh tế giảm nghèo.** 25](#_Toc165608427)

[**2.4.5. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, các công trình phúc lợi.** 26](#_Toc165608428)

[**2.6. Nguyên nhân và hạn chế.** 27](#_Toc165608429)

[**2.6.1. Nguyên nhân của những yếu kém trong công tác giảm nghèo.** 27](#_Toc165608430)

[**2.6.2 Những hạn chế trong công tác giảm nghèo.** 27](#_Toc165608431)

[PHẦN 3. BÀI HỌC KINH NGHIỆM 31](#_Toc165608432)

[**3.1. Bài học kinh nghiệm về việc vận dụng kiến thức đã học.** 31](#_Toc165608433)

[**3.2. Bài học kinh nghiệm về việc học hỏi kiến thức thực tế từ đơn vị thực tập.** 31](#_Toc165608434)

[**3.3. Bài học kinh nghiệm về việc rèn luyện kỹ năng, phẩm chất nghề nghiệp.** 32](#_Toc165608435)

[**3.4. Kiến nghị với Nhà trường để cải tiến học phần Thực tập cuối khoá.** 33](#_Toc165608436)

[KẾT LUẬN 35](#_Toc165608437)

[TÀI LIỆU THAM KHẢO 37](#_Toc165608438)

# PHẦN 1. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ THỰC TẬP

* 1. **Giới thiệu tổng quan về TP Vinh, Tỉnh Nghệ An.**
     1. **Lịch sử hình thành và phát triển.**

Thành phố Vinh thuộc vùng Kẻ Vang hoặc tên gọi khác là Kẻ Vịnh ngày xưa. Sau đó, lần lượt đổi thành Kẻ Vinh, Vinh Giang, Vinh Doanh, Vinh Thi. Cuối cùng, tên chính thức của thành phố được rút gọn lại thành một tiếng là Vinh và tồn tại mãi cho đến tận bây giờ. Chữ Vinh là gọi chệch từ chữ Vịnh.

Cách đây hàng ngàn năm, người Việt cổ đã sinh sống trên vùng đất này khá đông đúc. Việc tìm thấy hai trống đồng thuộc thời đại Hùng Vương (cách đây 4.000 năm) dưới chân núi Quyết mà hiện nay đang lưu giữ tại Bảo tàng tổng hợp Nghệ An đã chứng minh điều đó.

Là vùng đất có núi bao bọc lại nằm cạnh biển Đông, Vinh có một vị trí đặc biệt. Các Vua Đinh, Lê, Lý, Trần đều chú ý đến Vinh và đã cử các tướng tài vào đây trấn giữ. Nhưng đến thế kỷ XV dưới thời Lê Lợi và Nguyễn Trãi thì vùng Vinh mới thực sự được quan tâm đặc biệt.

Thế kỷ XVII thời kỳ Trịnh – Nguyễn phân tranh, Ninh Quận Công Trịnh Toàn nhiều năm đã đóng đại bản doanh ở Núi Quyết. Huy động nhân dân và binh lính xây thành ông Ninh, đào kênh nối sông Cồn Mộc (tức sông Vinh) với sông Lam.

Ngày 1 tháng 10 năm 1788, Hoàng đế Quang Trung đã quyết định cho xây dựng đế đô tại vùng đất Yên Trường, nay thuộc phường Trung Đô - thành phố Vinh - Nghệ An và đặt tên là thành Phượng Hoàng Trung Đô. Và bằng việc xây dựng đơn vị hành chính: Phượng Hoàng - Trung Đô đã khẳng định vị thế của đất Yên Trường trong sự cân đối hài hòa với Đông Đô ở miền Bắc, Tây Đô ở miền Nam và trong chiến lược lâu dài của Hoàng đế Quang Trung là sẽ xây dựng Yên Trường thành kinh đô của đất Việt. Dù rằng, chưa được xây dựng hoàn tất do sự nghiệp nhà Tây Sơn quá ngắn ngủi, nhưng Phượng Hoàng Trung Đô là một dấu son chói lọi trên chặng đường phát triển của đô thị Vinh.

Cuối những năm 20, đầu những năm 30 của thể kỷ trước, Vinh được biết đến như một đô thị với những nhà máy, xí nghiệp, bến cảng, hãng buôn, nhà băng... nổi tiếng của người Pháp, Hoa Kiều, Ấn Kiều... Vinh cũng là thành phố của thợ thuyền với hàng vạn công nhân. Đó cũng là cái nôi của phong trào yêu nước và cách mạng.

Khi Việt Nam độc lập năm 1945, Vinh trở thành thị xã tỉnh lị của tỉnh Nghệ An. Trong những năm chiến tranh chống Mỹ, Vinh là một trong những thành phố miền Bắc bị không quân Mỹ ném bom tàn phá nặng nề nhất, toàn thành phố hầu như bị san phẳng. Tòa nhà Kareba Dreams (nay là khách sạn Vinh Downtown nằm ở đại lộ VI Lê Nin) bị máy bay B52 của không quân Mỹ phá tan tành.

Ngày 26 tháng 12 năm 1970, chuyển 4 xã: Hưng Hòa, Hưng Lộc, Hưng Đông, Hưng Vĩnh, một phần đất đai ở bờ bắc sông Cầu Đước thuộc xã Hưng Chính (thành lập 2 xã Vinh Hưng và Vinh Tân) thuộc huyện Hưng Nguyên và xã Nghi Phú thuộc huyện Nghi Lộc về thành phố Vinh quản lý.

Ngày 2 tháng 3 năm 1979, giải thể 3 xã Hưng Bình, Hưng Thủy, Vinh Hưng để thành lập 9 phường: Cửa Bắc, Tân Vinh, Hưng Bình, Lê Lợi, Cầu Cảng, Bến Thủy, Trường Thi, Đội Cung, Cửa Nam; hợp nhất 2 xã Hưng Vĩnh và Hưng Đông thành xã Đông Vĩnh; sáp nhập xóm Yên Giang của xã Vinh Hưng và xóm Vĩnh Mỹ của xã Hưng Vĩnh vào xã Vinh Tân theo điều chỉnh quy hoạch thành phố Vinh.

Ngày 18 tháng 8 năm 1982, hợp nhất phường Quang Trung I vào phường Quang Trung II thành phường Quang Trung; sáp nhập phường Tân Vinh vào phường Lê Mao; tách phường Hưng Bình thành 2 phường: Hưng Bình và Hà Huy Tập.

Từ năm 1991, trở lại là tỉnh lị tỉnh Nghệ An.

Ngày 28 tháng 6 năm 1994, chia xã Đông Vĩnh thành phường Đông Vĩnh và xã Hưng Đông.

Ngày 13 tháng 8 năm 1993, Thủ tướng Chính phủ ra quyết định công nhận thành phố Vinh là đô thị loại II.

Ngày 23 tháng 8 năm 1994, sáp nhập phường Cửa Bắc vào phường Cửa Nam; sáp nhập phường Cầu Cảng vào phường Bến Thủy; chuyển xã Hưng Dũng thành phường Hưng Dũng.

Ngày 23 tháng 3 năm 2005, thành lập phường Hưng Phúc trên cơ sở 58,17 ha diện tích tự nhiên và 7.932 nhân khẩu của phường Hưng Bình, 55,73 ha diện tích tự nhiên và 1.535 nhân khẩu của phường Hưng Dũng; thành lập phường Quán Bàu trên cơ sở 111,20 ha diện tích tự nhiên và 5.300 nhân khẩu của phường Lê Lợi, 120,20 ha diện tích tự nhiên và 3.370 nhân khẩu của xã Hưng Đông.

Ngày 17 tháng 4 năm 2008, thành phố Vinh được mở rộng thêm trên cơ sở sáp nhập 4 xã: Nghi Kim, Nghi Đức, Nghi Liên, Nghi Ân thuộc huyện Nghi Lộc và xã Hưng Chính; 174 ha diện tích tự nhiên và 3.043 nhân khẩu của xã Hưng Thịnh thuộc huyện Hưng Nguyên; chuyển xã Vinh Tân thành phường Vinh Tân.

Ngày 5 tháng 9 năm 2008, tại Quyết định số 1210/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ đã công nhận Vinh là đô thị loại I trực thuộc tỉnh Nghệ An.

* + 1. **Bộ máy quản lý ủy ban nhân dân thành phố vinh, Tỉnh Nghệ An.**

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý ủy ban nhân dân thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An như sau:

Sơ đồ

Chủ tịch, các phó chủ tịch

2111jhsghd

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14

**Chú thích:** *dưới chủ tịch và các phó chủ tịch sẽ có các phòng*

(1): Chánh văn phòng

(2): Phòng Tài chính - Kế hoạch

(3): Phòng dân tộc

(4): Phòng Lao động Thương binh & Xã hội

(5): Phòng tư pháp

(6): Phòng Y tế

(7): Chánh thanh tra

(8): Phòng Tài nguyên và môi trường

(9): Phòng Giáo dục và Đào tạo

(10): P phòng văn hóa và thông tin

(11): Phòng NN&PTNT

(12): Phòng Công thương

(13): Phòng Nội vụ

(14): Ban quản lý dự án

*\* Chức năng nhiệm vụ.*

Chánh văn phòng: Tham mưu tổng hợp cho UBND thành phố về hoạt động của UBND. Chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về tổ chức, biên chế và công tác của UBND thành phố.

Phòng Tài chính - Kế hoạch: Tham mưu, giúp UBND thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực tài chính, tài sản, kế hoạch và đầu tư, đăng ký kinh doanh, tổng hợp, thống nhất quản lý về kinh tế hợp tác xã, kinh tế tập thể và kinh tế tư nhân.

Phòng Lao động - Thương binh và xã hội: Tham mưu, giúp UBND thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực lao động, việc làm, dạy nghề, tiền lương, tiền công, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn lao động, người có công, bảo trợ xã hội, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, phòng chống tệ nạn xã hội, bình đẳng giới.

Phòng Tư pháp: Tham mưu, giúp UBND thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác xây dựng văn bản pháp quy phạm pháp luật, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật, thi hành án dân sự, chứng thực, hộ tịch, trợ giúp pháp lý, hòa giải ở cơ sở và các công tác tư pháp khác.

Phòng Y tế: Tham mưu, giúp UBND thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, gồm y tế cơ sở, y tế dự phòng, khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, y dược cổ truyền, vệ sinh, an toàn thực phẩm, bảo hiểm y tế, trang thiết bị y tế, dân số.

Chánh thanh tra: Tham mưu, giúp UBND thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi quản lý nhà nước của UBND cấp huyện, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

Phòng Tài nguyên và Môi trường: Tham mưu, giúp UBND thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, môi trường, khí tượng, thủy văn, đo đạc, bản đồ.

Phòng Giáo dục và Đào tạo: Tham mưu, giúp UBND thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực giáo dục và đào tạo, bao gồm mục tiêu, nội dung và chương trình giáo dục và đào tạo, tiêu chuẩn nhà giáo, tiêu chuẩn cán bộ quản lý giáo dục, tiêu chuẩn cơ sở vật chất, thiết bị trường học, đồ chơi trẻ em, quy chế thi cử và cấp văn bằng, chứng chỉ, đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo.

Phòng Văn hóa và Thông tin: Tham mưu và giúp UBND thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về văn hóa, gia đình, thể dục thể thao, du lịch, bưu chính viễn thông và internet, công nghệ thông tin, hạ tầng thông tin, phát thanh, báo chí và xuất bản.

Phòng Nội vụ: Tham mưu, giúp UBND thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tổ chức, biên chế, các cơ quan hành chính sự nghiệp nhà nước, cải cách hành chính, công chức, viên chức nhà nước, Công chức xã, phường, thị trấn, hội, tổ chức phi chính phủ, văn thư, lưu trữ nhà nước, tôn giáo, thi đua khen thưởng.

Phòng NN và PTNT: Tham mưu, giúp UBND thực hiện chức năng quản lý nhà nước về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản, phát triển nông thôn, kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế hợp tác xã nông – lâm – ngư nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề ở nông thôn.

Phòng Dân tộc: Tham mưu, giúp UBND thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

Phòng Công thương: Tham mưu, giúp UBND thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại.

Ban Quản lý dự án: Tham mưu, giúp UBND thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đầu tư, quản lý các dự án thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do UBND thành phố quyết định đầu tư và các dự án thuộc mọi nguồn vốn do người quyết định đầu tư giao.

Có thể thấy rằng, bộ máy cơ cấu tổ chức tại UBND thành phố Vinh là hợp lý và khá gọn nhẹ, cơ cấu này là phù hợp với quy định trong Luật tổ chức công chức và tình hình thực tế của địa phương. Mỗi vị trí chức danh, các phòng ban chuyên môn được bố trí dựa trên sự phân chia chức năng, nhiệm vụ cụ thể và đều cần thiết, tạo thuận lợi cho việc triển khai các chủ trương, chính sách đồng thời phát huy được hiệu lực trong quản lý.

### **1.1.3.** **Số lượng, cơ cấu công chức của UBNDTP Vinh**

Nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng hàng đầu, quyết định sự phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững của nền kinh tế, xã hội của đất nước. Trong chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 – 2023, Đảng và nhà nước đã đề ra mục tiêu trọng tâm là: “Cải cách thể chế; xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ Công chức, viên chức thực thi công vụ có chất lượng và hiệu quả cao, nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và chất lượng dịch vụ công”.

Là chính quyền cơ sở, trực tiếp thực hiện các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước nên vấn đề nguồn nhân lực tại Ủy ban nhân dân thành phố Vinh luôn được coi trọng. Trong những năm qua, cơ quan đã tạo lập được một đội ngũ công chức chuyên nghiệp, nhiệt tình, có đạo đức nghề nghiệp và trình độ chuyên môn ngày càng được nâng cao.

Tuy nhiên, sự hình thành và phát triển của đội ngũ công chức trong nền hành chính nói chung và tại Ủy ban nhân dân thành phố Vinh cũng không ngoại lệ luôn gắn liền với sự hình thành, phát triển của nhà nước mới cũng như công cuộc đổi mới và xây dựng đất nước

**a) Cơ cấu công chức theo phòng ban**

Tổng số công chức hiện tại của UBND thành phố Vinh là 128 người, trong đó có 30 Công chức là nữ, 98 Công chức nam. Điều 27 Luật công chức năm 2008 quy định UBND thành phố gồm chủ tịch, phó chủ tịch và các ủy viên. Đối với thành phố loại 1 có không quá 3 phó chủ tịch, huyện loại 2 và 3 có không quá 2 phó chủ tịch. Ủy viên UBND thành phố gồm ủy viên là người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố, ủy viên phụ trách quân sự, công an, cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố gồm có các phòng và cơ quan tương đương phòng.

**Bảng 1.1. Cơ cấu Công chức tại UBND thành phố theo đơn vị năm 2023**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Phòng ban** | **Số người** | **%** |
| 1 | Lãnh đạo HĐND và UBND | 6 | 4.82 |
| 2 | Văn phòng HĐND và UBND | 22 | 16.87 |
| 3 | Phòng Văn hóa và thông tin | 5 | 3.61 |
| 4 | Phòng Quản lý đô thị | 5 | 3.61 |
| 5 | Phòng Tài chính kế hoạch | 14 | 10.84 |
| 6 | Phòng Lao động TBXH | 14 | 10.84 |
| 7 | Phòng nôi vụ | 6 | 4.82 |
| 8 | Phòng thanh tra | 6 | 4.82 |
| 9 | Phòng Tài nguyên và MT | 6 | 4.82 |
| 10 | Phòng nông nghiệp | 14 | 10.84 |
| 11 | Phòng KTKH | 11 | 8.43 |
| 12 | Phòng giáo dục | 8 | 6.02 |
| 13 | Phòng y tế | 2 | 1.2 |
| 14 | Phòng tư pháp | 5 | 3.61 |
| 15 | Phòng dân tộc | 4 | 4.85 |
| **Tổng** |  | **128** | **100** |

*(Nguồn: phòng Nội Vụ)*

Bảng cơ cấu Công chức tại Ủy ban nhân dân thành phố Vinh theo đơn vị cho chúng ta thấy rõ hơn về bố trí số lượng Công chức tại các phòng ban.

Việc bố trí số lượng Công chức tại các phòng ban theo phân công đảm bảo phù hợp với yêu cầu công việc thực tế tại địa phương của các vị trí cụ thể, phù hợp khả năng, năng lực, sở trường của Công chức, chuyên môn đào tạo. Việc bố trí này phải đảm bảo đúng và đủ cả về số lượng và chất lượng, đảm bảo có sự tương xứng giữa số người và số việc.

Nếu không đủ hoặc quá nhiều sẽ gây ra tình trạng công việc bị dồn ép hoặc ngược lại ảnh hưởng đến động lực làm việc của nhân viên. Thực tế, chúng ta thấy rằng hiện nay, cơ cấu Công chức theo phòng ban tại UBND thành phố Vinh là phù hợp với yêu cầu công việc.

**Bảng 1.2. Cơ cấu Công chức tại UBND thành phố theo vị trí công tác năm 2023**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Phòng ban** | **Số người** | **%** |
| 1 | Cán bộ quản lý | 49 | 38.55 |
| 2 | Nhân viên | 79 | 61.45 |
| **Tổng** |  | **128** | **100** |

*(Nguồn: Phòng Nội Vụ)*

Cán bộ quản lý bao gồm Chủ tịch, Phó chủ tịch, các trưởng và phó phòng tại UBND thành phố. Theo bảng trên ta thấy rằng trong tổng số 128 Công chức tại đơn vị thì có 32 chức danh thuộc cán bộ quản lý, chiếm 38,55 % tỷ trọng chung; Công chức là nhân viên có 51 người, chiếm 61,45 % . Đặc điểm của các phòng ban tại UBND thành phố là cơ quan chuyên trách thực hiện chuyên môn nên đòi hỏi phải bố trí Công chức đủ cả về số lượng và chất lượng.

Cán bộ quản lý là người chịu trách nhiệm cao nhất và trực tiếp về kết quả hoạt động của lĩnh vực mình trên toàn địa bàn huyện nên nhất thiết phải bố trí hợp lý, nếu thừa hay thiếu đều sẽ có những tác động tiêu cực đến hoạt động chung của tổ chức. Cơ cấu tổ chức Công chức các phòng ban tại UBND thành phố Vinh là khá hợp lý và phù hợp với quy định cũng như yêu cầu của các cơ quan thực hiện chuyên môn tại UBND thành phố.

**Bảng 1.3. Cơ cấu Công chức tại UBND thành phố theo giới tính giai đoạn 2021 - 2023**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Giới tính** | **Năm 2021** | | **Năm 2022** | | **Năm 2023** | |
| **Người** | **%** | **Người** | **%** | **Người** | **%** |
| 1 | Nam | 96 | 83.13 | 98 | 81.93 | 98 | 76.9 |
| 2 | Nữ | 19 | 16.87 | 22 | 18.07 | 30 | 23.1 |
| **Tổng** |  | **115** | **100** | **120** | **100** | **128** | **100** |

*(Nguồn: Phòng Nội Vụ).*

Nhà nước không quy định cụ thể số lượng bắt buộc Công chức nữ trong cơ quan nhưng khuyến khích nữ giới tham gia vào khối. Theo quy định thì tỷ lệ Công chức nữ trong các cơ quan hành chính nhà nước tham gia vào vị trí lãnh đạo là tối thiểu 15% và khuyến khích tỷ lệ này tăng lên.

Qua bảng thống kê trên ta thấy rằng, tỷ lệ Công chức là nữ giới tại UBND thành phố chiếm tỷ lệ khá ít so với Công chức nam giới, năm 2021 chiếm tỉ lệ 16.87 và 2022 chiếm tỷ lệ 18.07% trong khi nam giới chiếm tỷ lệ là 83.13 năm 2021 và 2022 là 81.93%, tức là gần gấp 6 lần tỷ lệ nữ; các năm gần đây tỷ lệ nữ chiếm 23.1% ở năm 2023.

Nếu so sánh giữa tỷ lệ nam và nữ thì có sự chênh lệch lớn nhưng do tính chất công việc có những đặc thù riêng nên tỷ lệ cơ cấu này là phù hợp thực tế. Tuy nhiên, có thể thấy rằng tỷ lệ nữ những năm gần đây đã có xu hướng tăng lên, từ 16.87% ở năm 2021 lên 23.1% ở năm 2023, điều này chứng tỏ đã có những chuyển biến tích cực về sự thu hút của công việc trong khu vực hành chính đối với lao động nữ.

**b) Cơ cấu Công chức theo độ tuổi**

Công chức trẻ thường có động lực làm việc cao hơn để có cơ hội trong thăng tiến, nâng ngạch, bậc lương,… bên cạnh đó Công chức trẻ linh hoạt hơn trong việc tiếp thu các công nghệ thông tin ứng dụng vào công việc làm tăng hiệu quả. Tuy nhiên, ở một số chức danh cần sự bản lĩnh trong thâm niên công tác ở các Công chức có tuổi nghề cao hơn.

**Bảng 1.4. Cơ cấu Công chức tại UBND thành phố theo độ tuổi giai đoạn năm 2021 – 2023**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Giới tính** | **Năm 2021** | | **Năm 2022** | | **Năm 2023** | |
| **Người** | **%** | **Người** | **%** | **Người** | **%** |
| 1 | Dưới 35 tuổi | 31 | 26.85 | 24 | 20.12 | 25 | 19.28 |
| 2 | Từ 35 đến 50 tuổi | 64 | 56.02 | 68 | 56.63 | 76 | 59.04 |
| 3 | Trên 50 tuổi | 20 | 17.13 | 28 | 23.25 | 27 | 21.68 |
| **Tổng** |  | **115** | **100** | **120** | **100** | **128** | **100** |

*(Nguồn: Phòng Nội Vụ)*

Tổng quan chung cho thấy Công chức tại UBND thành phố Vinh đang có tình trạng già hóa, năm 2021 tỷ lệ Công chức dưới 35 tuổi là 26.85%; năm 2022 chiếm 20.12% đến năm 2023 chiếm tỷ lệ 19,28%. Như vậy, tỷ lệ Công chức có độ tuổi dưới 35 tại UBND thành phố Vinh đang có xu hướng giảm dần.

Bên cạnh đó, Công chức trong độ tuổi từ 35 – 50 và trên 50 cũng có xu hướng tăng lên, cụ thể Công chức từ 35 -50 tuổi năm 2021 chiếm 56.02%; năm 2022 chiếm tỉ lệ 56,63%; năm 2023 là 59,04%. Đặc biệt, số Công chức trên 50 tuổi cũng có xu hướng tăng dần, năm 2021 là 17.13%; năm 2022 là 23.25%; đến năm 2023 tăng lên chiếm 21.68%.

Tỷ lệ này là phù hợp thực tế vì nguồn nhân lực có tuổi đời và tuổi nghề cao có ưu điểm là kinh nghiệm, kỹ năng chuyên môn sẽ cao hơn nhưng lại có hạn chế là tính sáng tạo, nhạy bén, linh hoạt, đặc biệt là trong thời kỳ công nghệ thông tin như hiện nay là không bằng người trẻ, như vậy đồng thời điều này cũng đặt ra cho các cấp lãnh đạo tại UBND thành phố bài toán về bố trí cơ cấu Công chức, chính sách đào tạo và thu hút nguồn nhân lực trẻ có trình độ, chất lượng vào phục vụ tại cơ quan trong tương lai.

# PHÂN 2 KẾT QUẢ THỰC TẬP.

## **2.1. Thực trạng nghèo và những kết quả đạt được trong công tác giảm nghèo thời gian qua.**

Với những nỗ lực trong công tác xóa đói giảm nghèo, sau hơn 30 năm đổi mới bộ mặt ở nhiều địa phương trên cả nước đã có nhiều khởi sắc. Riêng đối với thành phố Vinh cũng có những thay đổi khá rõ nét. Công tác giảm nghèo bước đầu đã đạt được những kết quả khả quan, tạo tiền đề cho việc thực hiện các giải pháp, các hướng đi để từng bước nâng cao mức sống cho nhân dân.

## **2.2. Tình hình nghèo ở thành phố vinh.**

Thành phố Vinh là trung tâm kinh tế của tỉnh Nghệ An, có tốc độ phát triển nhanh, tỷ lệ hộ nghèo thấp nhưng tập trung chủ yếu ở các xã ngoại thành như Nghi Liên, Nghi Ân, Hưng Hòa, Nghi Đức...

Đời sống của nhân dân ở các xã chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp nên còn khó khăn, mức sống dân cư nhìn chung còn thấp, thu nhập bình quân đầu người còn thấp so với mặt bằng Thành phố.

Diện tích đất nông nghiệp đang dần dần bị thu hẹp do các dự án và cơ quan về trên địa bàn. Lao động thiếu việc làm, hiện nay lực lượng lao động nông nghiệp thuần túy đang nhiều trong đó số lao động thiếu việc làm ngày càng tăng.

Trên địa bàn các xã thuộc thành phố, các doanh nghiệp phát triển ít nên không có cơ sở sản xuất kinh doanh, không thu hút được lao động nhàn rỗi, thiếu việc làm của các xã. Chưa thúc đẩy được dịch vụ - thương mại - thương nghiệp nhỏ phát triển nên chuyển đỏi cơ cấu kinh tế còn khó khăn.

Lao động ở các xã ngoại thành nhìn chung còn chưa mạnh dạn, chủ động nắm bắt tìm hiểu thị trường, trình độ còn thấp, chưa thoát khỏi phụ thuộc nông nghiệp, nặng quan niệm về lao động nữ, không khuyến khích lao động nữ tìm hiểu việc làm và đi xuất khẩu lao động.

Căn cứ Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025, tại thời điểm tháng 01/2022 toàn thành phố có 144 hộ nghèo (377 nhân khẩu) chiếm 0,17 % và 480 hộ cận nghèo (1.600 nhân khẩu) chiếm 0,56%, trong đó:

1. ***Về hộ nghèo***

\* Khu vực nông thôn : Gồm 9 xã với 103 hộ - 264 khẩu, bình quân 2,56 khẩu/hộ; trong đó, xã cao nhất là Hưng Hoà (19 hộ - 51 khẩu), bình quân 2,68 khẩu/hộ; xã thấp nhất là Hưng Chính (5 hộ - 13 khẩu), bình quân 2,6 khẩu/hộ.

\* Khu vực thành thị : Gồm 16 phường với 41 hộ - 113 khẩu, bình quân 2,76 khẩu/hộ; trong đó, phường cao nhất là Trung Đô với 8 hộ - 21 khẩu, bình quân 2,63 khẩu/hộ; phường không có hộ nghèo là Lê Mao, Trường Thi, Vinh Tân, Đội Cung

Bình quân chung hộ nghèo thành phố là 2,62 khẩu/hộ.

**Bảng 2.1: Kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2023.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Phường xã | Kết quả rà soát | | | | | | Ghi chú |
| Hộ nghèo | | | Hộ cận nghèo | | |
| Số hộ | Số khẩu | Tỷ lệ | Số hộ | Số khẩu | Tỷ lệ |
| 1 | Hưng Dũng | 6 | 11 | 0.13 | 9 | 31 | 0.19 |  |
| 2 | Nghi Kim | 5 | 20 | 0.10 | 3 | 15 | 0.06 |  |
| 3 | Hà Huy Tập | 2 | 6 | 0.08 | 5 | 17 | 0.20 |  |
| 4 | Quang Trung | 1 | 4 | 0.05 | 1 | 5 | 0.05 |  |
| 5 | Cửa Nam | 5 | 18 | 0.14 | 16 | 50 | 0.44 |  |
| 6 | Bến Thủy | 8 | 19 | 0.20 | 10 | 25 | 0.25 |  |
| 7 | Nghi Phú | 10 | 27 | 0.27 | 2 | 5 | 0.05 |  |
| 8 | Nghi Liên | 13 | 17 | 0.78 | 55 | 181 | 3.29 |  |
| 9 | Trung Đô | 8 | 21 | 0.35 | 0 | 0 | 0.00 |  |
| 10 | Nghi Ân | 18 | 49 | 0.43 | 6 | 14 | 0.14 |  |
| 11 | Hồng Sơn | 1 | 3 | 0.02 | 13 | 41 | 0.25 |  |
| 12 | Hưng Lộc | 10 | 29 | 0.23 | 14 | 50 | 0.32 |  |
| 13 | Lê Mao | 0 | 0 | 0.00 | 0 | 0 | 0.00 |  |
| 14 | Hưng Bình | 1 | 2 | 0.03 | 8 | 30 | 0.24 |  |
| 15 | Vinh Tân | 0 | 0 | 0.00 | 3 | 7 | 0.07 |  |
| 16 | Lê Lợi | 1 | 2 | 0.04 | 26 | 92 | 0.97 |  |
| 17 | Trường Thi | 0 | 0 | 0.00 | 65 | 263 | 2.15 |  |
| 18 | Hưng Chính | 5 | 13 | 0.10 | 34 | 115 | 0.67 |  |
| 19 | Quán Bàu | 4 | 8 | 0.24 | 17 | 49 | 1.00 |  |
| 20 | Đông Vĩnh | 3 | 16 | 0.13 | 36 | 120 | 1.61 |  |
| 21 | Nghi Đức | 15 | 44 | 0.73 | 21 | 81 | 1.02 |  |
| 22 | Đội Cung | 0 | 0 | 0.00 | 2 | 7 | 0.04 |  |
| 23 | Hưng Đông | 8 | 14 | 0.32 | 27 | 52 | 1.10 |  |
| 24 | Hưng Hòa | 19 | 51 | 0.78 | 58 | 196 | 2.38 |  |
| 25 | Hưng Phúc | 1 | 3 | 0.03 | 49 | 154 | 1.44 |  |
| Tổng | | 144 | 377 | 0.17 | 480 | 1 600 | 0.56 |  |

1. ***Về hộ cận nghèo***

Thành phố hiện có 480 hộ - 1.600 khẩu, bình quân 3,33 khẩu/hộ, trong đó :

Tại 9 xã : 362 hộ (chiếm 75,4% số hộ cận nghèo thành phố) với 1.037 khẩu, bình quân 2,86 khẩu/hộ

Tại 16 phường: 118 hộ (chiếm 24,6%) với 563 khẩu, bình quân 4,77 khẩu/hộ.

Đơn vị có số hộ cận nghèo nhiều là Nghi Đức (65 hộ - 263 khẩu);

Giải quyết tốt số hộ cận nghèo để họ vươn lên là hộ khá, giàu và kiềm chế rơi vào nghèo mới là một trong những giải pháp tối ưu liên quan trực tiếp đến kết quả giảm nghèo bền vững giai đoạn 2020-2025.

## **2.3 Nguyên nhân dẫn đến đói nghèo ở thành phố vinh.**

Theo kết quả Tổng điều tra rà soát phân loại hộ nghèo, đến đầu năm 2022, thành phố Vinh có 144 hộ nghèo với 377 nhân khẩu. Định lượng tính chất hộ nghèo như sau:

*\* Theo đối tượng xã hội*

- Hộ nghèo dân tộc thiểu số: 01 hộ, chiếm 0,69% số hộ nghèo;

- Hộ nghèo không có khả năng lao động: 71 hộ, chiếm 49,31% số hộ nghèo;

- Hộ nghèo có thành viên là đối tượng NCC hưởng chế độ trợ cấp 01 lần: 09 hộ, chiếm 6,25% số hộ nghèo.

- Các đối tượng khác: 63 hộ, chiếm 43,75% số hộ nghèo.

*\* Theo mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản:* Việc làm: 100 hộ; Người phụ thuộc trong gia đình: 96 hộ; Dinh dưỡng: 5 hộ; Bảo hiểm y tế: 96 hộ; Trình độ giáo dục người lớn: 12 hộ; Tình trạng đi học của trẻ em: 01 hộ; Chất lượng nhà ở: 14 hộ; Diện tích ở bình quân đầu người: 19 người; Nguồn nước sinh hoạt: 02 hộ; Nhà tiêu hợp vệ sinh: 19 hộ; Sử dụng dịch vụ viễn thông: 85 hộ; Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin: 41 hộ.

Qua kết qua điều tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021, chúng tôi thấy nguyên nhân nghèo ở thành phố Vinh tập trung nhiều nhất ở nguyên nhân thiếu kỹ năng về lao động, sản xuất, ốm đau bệnh tật, không có lao động ... Cụ thể như sau:

- Hộ không có đất sản xuất: 17 hộ;

- Hộ không có vốn sản xuất, kinh doanh: 33 hộ;

- Hộ không có lao động: 75 hộ

- Hộ không có công cụ, phương tiện sản xuất: 32 hộ

- Hộ không có kiến thức về sản xuất: 16 hộ

- Hộ không có kỹ năng về lao động, sản xuất: 31 hộ

- Hộ có người ốm đau, bệnh nặng, tai nạn ...: 92 hộ

- Nguyên nhân khác: 7 hộ

Qua phân tích các đặc điểm, nguyên nhân nghèo của thành phố Vinh thấy rằng, nghèo ở thành phố Vinh cũng có những nét tương đồng đối với các vùng đói nghèo tương tự trong cả nước. Tuy nhiên nghèo ở thành phố Vinh tựu chung lại phần lớn là do nguyên nhân tác động tới từng hộ và mức độ ảnh hưởng khác nhau có thể sắp xếp theo các nhóm nguyên nhân cơ bản sau (có 3 nhóm)

- Nhóm thứ nhất: (Nhóm nguyên nhân mang tính khách quan).

+ Trước hết là đất đai, là người dân nông nghiệp sống ở nông thôn thì đất đai là tư liệu sản xuất cái cốt sống của con người. Đất canh tác ở thành phố Vinh so với một số vùng nông nghiệp khác thì chưa phải là ít. Nhưng chất đất ở một số xã đã bị nhiễm mặn chua phèn nặng, độ phì kém do vậy năng suất thấp. Một số xã sản xuất trong điều kiện hoàn toàn phụ thuộc vào thiên nhiên, đất đai chủ yếu sản xuất được một vụ. Thâm canh phụ thuộc vào thủy triều, kỷ năng kỷ xảo làm hàng thủ công mỹ nghệ đã dày công du nhập nhưng không hiệu quả. Suy cho cùng vì chất lượng nguyên liệu kém.

+ Thiên tai như hạn hán, bão lụt, sâu bệnh thường xuyên gây hại cho cây trồng, vật nuôi không có năm nào mà các xã của thành phố Vinh thoát khỏi cảnh này nhất là xã Hưng Hòa.

+ Một số xã, nhất là xã Hưng Hòa vẫn còn cơ sở hạ tầng yếu kém, công trình kinh tế không có hoặc không đáng kể. Nguồn thu ngân sách của các xã không đáng kể, nguồn nước sinh hoạt của nhân dân có tình trạng ô nhiễm môi trường và đến nay nhiều xã vẫn chưa có nước sạch sinh hoạt.

- Nhóm thứ hai: (Nhóm mang tính chủ quan, nhóm nguyên nhân này do chính bản thân người nghèo gây ra).

+ Thiếu kiến thức: Người dân còn kinh nghiệm, nhạy bén trong sản xuất, tổ chức quản lý, kỷ thuật kém do đó họ trở nên lúng túng trong quá trình lao động sản xuất, đây còn biểu hiện là nông trí, dân trí thấp thiếu vốn hoặc không có vốn để sản xuất kinh doanh. Nhưng hộ thiếu vốn thường phải đi làm thuê đổi công, phải chạy vạy vay mượn để đảm bảo cuộc sống tối thiểu của mình. Nhưng một thực tế cho thấy rằng nông dân thiếu vốn phải đi vay ngân hàng thủ tục phiền hà không có tài sản thủ tục pháp lý đất đai để thế chấp cho nên nhiều người cần vay vốn nhưng không thể vay được.

+ Một số hộ được vay vốn như vốn phát triển sản xuất, vốn xóa đói giảm nghèo, vốn dự án qua các tổ chức nhưng do không biết sản xuất kinh doanh, không có kinh nghiệm trong sản xuất cho nên số vốn có được sử dụng không đúng mục đích.

+ Thiếu lao động: Tình trạng thiếu lao động ở một số hộ gia đình đã gây nên tình trạng nghèo đói. Thiếu lao động quá trình sản xuất hay bị chậm thời vụ, không kịp với năng suất lao động xã hộ cho nên đã ảnh hưởng đến hiệu quả năng suất sản lượng công việc.

+ Tai nạn rủi ro, ốm đau cũng là một trong những nguyên nhân làm phát sinh nghèo đói.

+ Ngoài ra còn có những nguyên nhân khác như: lười nhác, rượu chè, gia đình sống không hòa thuận chán nản ly thân, cô đơn vv...

- Nhóm thứ ba: Nhóm nguyên nhân do cơ chế chính sách thiếu đồng bộ.

+ Về đất đai do cơ chế giao đất cho hộ nhân dân thực hiện cứng nhắc cho nên ruộng đất các xã của thành phố Vinh đều rất manh mún, làm cản trở quá trình công nghiệp hóa và đầu tư thâm canh chuyển đổi cơ cấu cây trồng kìm hãm sự phát triển kinh tế hộ.

+ Nhà nước chưa có chính sách, biện pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đầu tư đúng mức để xây dựng cơ sở hạ tầng. Ngoài những chính sách của nhà nước Trung ương thì ngay cả nhà nước địa phương Tỉnh và Thành phố chưa thực sự quan tâm để quá lâu một khoảng cách - cách biệt kinh tế giữa phường và xã.

Công tác tuyên truyền giáo dục hướng dẫn giúp đỡ cách làm ăn mở mang ngành nghề mới, phát triển các ngành nghề truyền thống của địa phương chưa được phát triển đúng mức hiệu quả còn thấp.

+ Tóm lại đói nghèo ở thành phố Vinh do nhiều nguyên nhân gây nên, do đó nhà nước phải có những chính sách phù hợp để hỗ trợ một phần về vốn, những kinh nghiệm sản xuất cho những hộ lâm vào tình trạng đói nghèo.

Song với những chủ trương chính sách của nhà nước cấp trên thì một điều không thể thiếu được và nó trở thành tiên quyết đó là nội lực toàn diện từ người dân từ chính quyền cơ sở, từ các tổ chức đoàn thể nhân dân tại địa phương phải có chương trình hành động, phải có kế hoạch cụ thể vê xóa đói giảm nghèo cho cái chung và cho từng loại của đối tượng và từng đối tượng cụ thể có vậy thì các hộ nghèo của thành phố Vinh mới nhanh chóng thoát khỏi đói nghèo.

## **2.4. Công tác giảm nghèo ở thành phố vinh trong thời gian tới.**

### **2.4.1 Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế.**

Do điều kiện khí hậu khắc nghiệt không thuận lợi cho việc sản xuất nông nghiệp, diện tích nông nghiệp chủ yếu là đất cát bạc màu độ phì nhiêu thấp, năng suất cây trồng thấp lại càng thu hẹp diện tích do đã chuyển đổi thành đất chuyên dùng và đất ở. Số lao động thất nghiệp và thiếu việc làm chiếm tỷ lệ cao.

Ở các xã thuộc thành phố Vinh, trước đây tỷ lệ hộ nghèo khá cao, Đảng uỷ, chính quyền thành phố Vinh đã xây dựng nhiều phương hướng phát triển kinh tế trong giai đoạn 2010-2015 và từ 2015-2020, trong đó việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế là biện pháp giữ vai trò chủ đạo.

Xác định không có thuỷ lợi thì không thể nâng cao năng suất cây lúa được, vì vậy tranh thủ sự giúp đỡ của cấp trên và nguồn đóng góp của nhân dân địa phương đã xây dựng một trạm bơm và hệ thống kênh mương phục vụ tưới tiêu cho các xã sản xuất nông nghiệp, cho thu hoạch hai vụ. Tập trung thay toàn bộ giống lúa cũ năng suất thấp bằng bộ giống lúa lai năng suất cao như XI23, XN30, Khải phong số 1, Nhị ưu 838… Nhờ vậy mà năng suất lúa ngày càng được nâng cao.

Cùng với đầu tư thâm canh cây lúa thì địa phương đã mạnh dạn chuyển đổi một số diện tích ngập mặn hoang hoá năng suất thấp sang nuôi trồng thuỷ sản mặn lợ. Trên cơ sở đó đã tạo được việc làm cho hàng nghìn lao động, các hộ nông nghiệp có thu nhập tương đối ổn định góp phần vào việc tăng trưởng kinh tế, đẩy nhanh công tác xoá đói giảm nghèo ở địa phương.

Ngoài ra chính quyền địa phương đã tạo điều kiện cho một số cá nhân, hộ gia đình đấu thầu những vùng đất hoang hoá, vùng năng suất thấp chuyển sang phát triển kinh tế trang trại theo mô hình VAC cũng cho hiệu quả đáng kể, làm tăng năng suất sản lượng trên một đơn vị. Tăng thêm nguồn thu nhập cho người dân, góp phần phát triển ngành nghề dịch vụ và chế biến thực phẩm.

Bên cạnh việc đầu tư tăng năng suất cây trồng thì địa phương vẫn chú trọng đến phát triển chăn nuôi. Đó là tập trung đẩy mạnh việc sin hoá đàn bò, phát triển chăn nuôi bò hàng hoá đàn bò, phát triển chăn nuôi bò hàng hoá, khuyến khích các hộ dân phát triển nuôi bò đàn, bò sinh sản và phát triển kinh tế theo hướng trang trại gồm chăn nuôi (bò lợn, cá lúa, vịt đàn, vịt đẻ). Tập trung phát triển ngành nghề thủ công và dịch vụ giải quyết việc làm cũng là một nội dung quan trọng trong công tác xóa đói giảm nghèo ở thành phố Vinh.

Là một thành phố có nhiều xã vùng ngoại thành có nhiều ngành nghề, trong đó có các nghề truyền thống. Xác định đây là nghề truyền thống của địa phương, nếu phát triển được nghề truyền thống này sẽ thu hút được rất nhiều lao động, giải quyết được việc làm tại chỗ cho nhân dân. Thành phố có những chính sách thích hợp khuyến khích phát triển làng nghề thủ công tận dụng lao động ngoài độ tuổi, lao động nhàn rỗi tham gia sản xuất; liên kết với các doanh nghiệp trong việc bao tiêu sản phẩm, đào tạo tay nghề … như nghề dệt chiếu cói và mây tre đan ở Hưng Hòa, nghề nấu rượu ở Nghi Đức

Với vị trí địa lý khá thuận lợi nên thành phố có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện cho phát triển dịch vụ thương mại cũng phát triển khá. Bằng việc đầu tư nâng cấp các chợ đã có sẵn và hình thành thêm các chợ nữa đã giải quyết được hàng tăm lao động bằng nghề buôn bán dịch vụ (đây là số lao động của địa phương tham gia kinh doanh). cạnh đó địa phương đã đẩy mạnh xuất khẩu lao động và khuyến khích con em đi lao động ở các công ty, nhà máy ngoài địa phương. Để góp phần giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho gia đình.

Ngoài việc xúc tiến xuất khẩu lao động, địa phương còn khuyến khích và tạo điều kiện cho con em đi làm công nhân ở các công ty, nhà máy trong và ngoài tỉnh. Riêng lĩnh vực này cũng đã giải quyết việc làm cho khá đông lao động trẻ. Thành phố Vinh đã liên kết với các công ty tổ chức tư vấn tuyển dụng lao động tham gia làm việc tại các nước. Kết quả đã ký hợp động và đưa được trung bình hơn 500 lao động đi XKLĐ/năm. Hiện nay số lao động này đang làm ăn khá hiệu quả ở nước ngoài. Đồng thời người lao động được hỗ trợ trong việc giải quyết thủ tục và chính sách hỗ trợ vay vốn...

* + 1. **Đào tạo và nâng cao tay nghề của người lao động.**

Trước hết là đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến công, khuyến ngư. Xác định muốn chuyển dịch được cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động thì trước hết phải thay đổi nhận thức cho người dân, nâng cao trình độ tay nghề và kỹ thuật cho người lao động. Kiện toàn ban khuyến nông, khuyến công, khuyến ngư, cử cán bộ chuyên trách làm công tác này - đẩy mạnh việc tập huấn kỹ thuật chuyển giao khoa học kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ sản. Thành phố đã mở được các lớp đào tạo tập huấn khoa học kỷ thuật hàng năm.

Ngoài ra thành phố còn khuyến khích các xã tổ chức tủ sách nhà Nông với rất nhiều đầu sách phổ biến kiến thức về chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng thuỷ sản, phát triển kinh tế trang trại, kinh tế hộ gia đình … để người dân dễ dàng tiếp thu khoa học kỹ thuật vào thực tiễn của gia đình cũng như địa phương. Đồng thời hàng năm có tổ chức các hội thi kiến thức về sản xuất – chăn nuôi.

***Ví dụ:*** Hội thi nhà nông đua tài...Hàng năm tổ chức các hội thi sơ tổng kết của nông dân, bình bầu và nêu gương sản xuất kinh doanh giỏi, nhân rộng điển hình. Thông qua đó nông dân có cơ hội giao lưu trao đổi học hỏi về kinh nghiệm sản xuất tốt hơn.

* + 1. **Một số chính sách đối với người nghèo trong việc phát triển kinh tế giảm nghèo.**

Ngoài các chính sách cơ bản của Nhà nước đối với người nghèo được Chính quyền địa phương thực hiện rất kịp thời, hiệu quả thì thành phố Vinh đã có quy định về việc làm và những chính sách hỗ trợ người nghèo như:

- Hộ nghèo được miễn một phần quỹ đóng góp sức dân xây dựng kết cấu hạ tầng.

- Tất cả những hộ nghèo mà nhà thuộc diện tranh tre dột nát đều được thành phố đầu tư hỗ trợ xây dựng nhà ở mỗi nhà từ 5 – 15 triệu đồng.

Ngoài ra, những hộ nghèo còn được trợ cấp khi ốm đau, hoạn nạn hoặc lễ tết.

Từ việc thực hiện tốt các chính sách của nhà nước đến năm 2010 thành phố Vinh đã hoàn thành việc xoá nhà tranh tre, dột nát cho người nghèo, được Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tặng bằng khen.

Nhờ tập trung cho việc chỉ đạo phát triển kinh tế nên trong những năm gần đây tỉ lệ hộ khá, giàu tăng nhanh.

Phối hợp với Ngân hàng chính sách xã hội tạo điều kiện cho các hộ nghèo vay vốn để đầu tư chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ sản, phát triển kinh doanh dịch vụ với lãi suất ưu đãi. Đến nay tổng dư nợ vốn vay ngân hàng chính sách xã hội cho các hộ nghèo vay ưu đãi trên địa bàn các xã, phường lên đến hàng trăm tỷ đồng.

Ngoài ra, phong trào góp phường, hội tạo điều kiện giúp đỡ nhau tạo nguồn vốn cho hộ nghèo ở các tổ chức đoàn thể như hội Phụ nữ, hội Nông dân, hội Cựu chiến binh ngày càng được nhân rộng. Từ đó các hội viên nghèo có thêm nguồn vốn đầu tư cho sản xuất, thời gian vay dài mà không tính lãi suất.

### **2.4.5. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, các công trình phúc lợi.**

*- Về giao thông:*

Hoàn thành và đưa vào sử dụng đường 72m nối liền thành phố Vinh đến Cửa Lò là điều kiện thuận lợi cho địa phương phát triển du lịch, dịch vụ, thương mại. Nhận thấy rõ vai trò của giao thông trong việc lưu thông hàng hoá, phát triển kinh tế, chính vì vậy bằng nhiều nguồn đầu tư và huy động nội lực của địa phương đã tập trung chỉ đạo các phường xã xây dựng hệ thống giao thông, các xã tích cực lồng ghép vào thực hiện tiêu chí giao thông trong chương trình xây dựng nông thôn mới.

*- Về cơ sở vật chất kỹ thuật:*

Cùng với phát triển mạng lưới giao thông thì thành phố tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các trường học, trạm y tế đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ dạy và học cũng như khám chữa bệnh ban đầu cho nhân dân. Hiện nay thành phố đã có nhiều trường Mầm Non, trạm y tế đạt chuẩn quốc gia. Mạng lưới điện hạ thế và thông tin liên lạc cũng được đầu tư nâng cấp tạo điều kiện tốt cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

Với những hoạt động trên, đến cuối năm 2021, tỷ lệ hộ nghèo đã giảm mạnh từ 0,75% vào năm 2015 xuống còn 0,17 năm 2021 theo chuẩn mới, tỷ lệ hộ cận nghèo giảm từ 1,12% xuống còn 0,56%.

**Bảng 2: Kết quả giảm nghèo giai đoạn 2015– 2021**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Số hộ nghèo** | **Tỷ lệ hộ nghèo** | **Số hộ cận nghèo** | **Tỷ lệ hộ cận nghèo** |
| 2015 | 558 | 0,75 | 827 | 1,12 |
| 2016 | 470 | 0,63 | 741 | 1 |
| 2017 | 396 | 0,52 | 681 | 0,9 |
| 2018 | 311 | 0,41 | 605 | 0,79 |
| 2019 | 210 | 0,26 | 518 | 0,65 |
| 2020 | 150 | 0,18 | 445 | 0,55 |
| 2021 (theo chuẩn nghèo mới) | 144 | 0,17 | 480 | 0,56 |

*Nguồn: UBND thành phố vinh*

## **2.6. Nguyên nhân và hạn chế.**

### **2.6.1. Nguyên nhân của những yếu kém trong công tác giảm nghèo.**

*- Một là,* Trong chiến tranh thành phố Vinh là tâm điểm bắn phá của giặc Mỹ, khi hoà bình hậu quả chiến tranh để lại nặng nề. Về địa giới, thành phố Vinh là vùng gần biển nên hàng năm chịu ảnh hưởng không nhỏ của bão lụt, hạn hán dẫn đến hiệu quả của các ngành nông nghiệp đạt kết quả chưa cao, ảnh hưởng đến việc phát triển kinh tế của địa phương.

*- Hai là,*  Một bộ phận lao động của địa phương xuất phát từ nông dân nên khi chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang tiểu thủ công nghiệp, ngư nghiệp thì họ vẫn còn nhiều bỡ ngỡ. Bên cạnh đó lao động chủ yếu là lao động phổ thông, thiếu tác phong công nghiệp nên họ khó trở thành công nhân giỏi trong các nhà máy, xí nghiệp.

*-* *Ba là,* Hệ thống cơ chế chính sách đối với người nghèo còn thiếu và không đồng bộ như cơ chế chính sách cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cho các vùng nghèo, vùng khó khăn; chính sách khuyến khích sản xuất; vốn tín dụng; hướng dẫn cách làm ăn, khuyến nông, khuyến công …; Chính sách trong giáo dục đào tạo; y tế; đất đai …

Từ những nguyên nhân dẫn đến tình trạng nghèo không phải ngày một, ngày hai có thể khắc phục được, phải cần đến một quá trình lâu dài và một hệ thống giải pháp đồng bộ và sự vào cuộc của nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều thành phần xã hội mới giải quyết được.

### **2.6.2 Những hạn chế trong công tác giảm nghèo.**

+ Những yếu kém tồn tại trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã có bước chuyển dịch đúng hướng nhưng đang còn chậm, chưa thực sự rõ nét, hiệu quả nền kinh tế còn thấp. Cụ thể tỉ trọng nông nghiệp còn cao.

*+ Về nuôi trồng thuỷ sản:* Mặc dù đây là một nghề mới, bước đầu đã đem lại thu nhập cao cho khá nhiều hộ, tạo được công ăn việc làm cho hàng trăm lao động nhưng bên cạnh đó công tác quản lý môi trường còn yếu kém dẫn đến tình trạng nguồn nước bị ô nhiễm, dịch bệnh xẩy ra làm ảnh hưởng đến năng suất nuôi và đe doạ lớn đến thu nhập của người dân; có những hộ chăn nuôi bị mất trắng cả vốn đầu tư do tôm bị bệnh, nguy cơ rơi vào nghèo cao.

*+ Về phát triển ngành nghề, dịch vụ:* Mặc dù đã có sự phát triển mạnh về ngành nghề, dịch vụ đặc biệt là nghề chiếu cói nghề mây tre đan và nghề chẻ tăm hương xuất khẩu nhưng trong năm qua vẫn chưa phát huy, khai thác hết tiềm năng và thế mạnh của các xã thuộc địa bàn

Các ngành nghề khác cũng thế, đang phát triển theo kiểu tự phát. Ví dụ như nghề mộc dân dụng, cơ khí … Chính quyền chỉ mới tạo được một cơ chế chính sách để khuyến khích, còn vai trò quản lý nhà nước trong lĩnh vực này còn kém và chưa có biện pháp tốt để nâng cao hiệu quả.

+ Mặc dù cấp uỷ, chính quyền luôn quan tâm, song công tác đào tạo nghề và

+ Đối với công tác tập huấn nâng cao tay nghề cho người lao động cơ bản tập trung vào nghề chiếu cói và Mây tre đan mà chưa quan tâm đến đào tạo các nghề khác như: kỹ thuật chăn nuôi, thâm canh…

+ Sản phẩm làm ra chưa thực sự đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ của khách hàng nên sức cạnh tranh có lúc còn hạn chế. Nguồn nguyên liệu và đầu ra của sản phẩm chưa ổn định, chưa thực sự tạo niềm tin cho lao động. Chính những yếu tố đó đã làm cho người lao động chưa thực sự có niềm tin vào nghề mây tre chẻ tăm hương nên công tác đào tạo nghề còn gặp nhiều khó khăn và hiệu quả chưa cao.

+ Chính quyền chỉ mới dừng lại ở khâu giao dịch phối hợp với các ngân hàng để tạo điều kiện cho vay vốn mà chưa huy động được nguồn vốn tại địa phương như chưa thành lập quỹ tín dụng, mức cho vay thấp, chưa chú trọng vào việc tập trung cho hộ nghèo có nhu cầu lớn trong việc vay vốn đầu tư, việc phân bổ nguồn vốn vay ưu đãi đôi lúc còn sai đối tượng .

+ Do nguồn vốn đầu tư hạn chế, ngân sách địa phương còn gặp nhiều khó khăn, lại xuất phát từ một xã nghèo, các công trình hạ tầng cơ sở, công trình phúc lợi còn thiếu thốn, số đã có thì lại xuống cấp nghiêm trọng. Việc quản lý các công trình vừa mới được bàn giao đưa vào sử dụng đã bị xuống cấp (như công trình hệ thống thuỷ lợi phục vụ sản xuất thuộc dự án cấp nước sản xuất nông nghiệp).

+ Việc thực hiện chính sách cho người nghèo đôi lúc còn chậm và chưa chính xác.

+ Việc rà soát xác định bình xét hộ nghèo, hộ thoát nghèo hàng năm ở một số khối, xóm còn thiếu chính xác, thiếu khách quan. Nguy cơ tái nghèo cao. Do năng lực của một số cán bộ xóm còn yếu, đôi lúc còn nể nang và tư tưởng cục bộ, việc bình xét hộ nghèo và thoát nghèo chưa thật dân chủ, công tác kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của cấp dưới còn nhiều quan liêu, xa rời thực tế.

+ Chất lượng một số dịch vụ đối với người nghèo còn thấp như:

Về y tế: Tất cả người nghèo trong các hộ nghèo được cấp thẻ BHYT nhưng chất lượng khám và điều trị bệnh nhân có thẻ BHYT còn thấp, đặc biệt là tuyến xã. Thuốc BHYT chỉ là những loại thuốc thông thường, rẻ tiền, khả năng và hiệu

Về giáo dục: việc thực hiện ưu đãi trong giáo dục chỉ mới dừng lại ở việc thực hiện các chính sách của Nhà nước.

+ Công tác xoá nhà tranh tre dột nát cho người nghèo đã thực hiện tốt và hoàn thành chỉ tiêu về xoá nhà tranh tre, nứa mét cho người nghèo, song mức đầu tư thấp, khả năng cung góp tiền xây dựng của người nghèo theo phương thức nhà nước và nhân dân cùng làm là không đáng kể. Do vậy những ngôi nhà mới làm nhanh chóng bị xuống cấp hoặc có nhiều hạn chế trong sử dụng dẫn đến tình trạng xoá nhà tranh tre để xây một loại nhà tạm khác.

+ Đội ngũ cán bộ làm công tác xoá đói giảm nghèo còn non kém, chưa xác định được xoá đói giảm nghèo phải làm gì, làm như thế nào. Hầu hết thành viên Ban chỉ đạo xoá đói giảm nghèo còn làm kiêm nhiệm nên vai trò, trách nhiệm và hiệu quả chưa cao. Mặt khác, đội ngũ này lại ít được tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, về công tác xoá đói giảm nghèo.

+ Đối với một số bộ phận nhân dân: Một số bộ phận nhân dân coi việc xoá đói giảm nghèo là trách nhiệm của cấp trên và của người nghèo chứ không phải là việc của mình. Họ cho rằng nghèo là do lười nhác, do đông con, do nghiện ngập và như thế nghèo là đương nhiên, một số khác thì thờ ơ, vô cảm trước sự nghèo

+ Đối với bản thân người nghèo, hộ nghèo: Rất nhiều người nghèo còn có thái độ tự ti mặc cảm với xã hội, ít tham gia sinh hoạt, hoà nhập cộng đồng. Điều này gây khó khăn cho việc vận động tuyên truyền và phổ biến các kiến thức khoa học kỹ thuật vào đời sống cho người nghèo. Một số khác thì ỉ lại, trông chờ vào sự giúp đỡ của Nhà nước, cộng đồng. Họ không muốn thoát nghèo, vì nghèo

Những yếu kém tồn tại trên đây ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả xoá đói giảm nghèo ở địa phương.

# PHẦN 3. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

## **3.1. Bài học kinh nghiệm về việc vận dụng kiến thức đã học.**

Thực tập cũng chính là khoảng thời gian em được học nghề từ thực tế và thấu hiểu được rõ hơn công việc mà mình sẽ làm sau khi rời khỏi giảng đường Đại học. Đó là các chính sách công, cụ thể là chính sách theo lĩnh vực hoạt động gồm có Chính sách kinh tế văn hóa, khoa học xã hội, an ninh quốc phòng giáo dục y tế, Chính sách theo chủ thể ban hành chính sách của nhà nước hay còn gọi là chính sách công, chính sách theo thời gian tồn tại trung hạn dài hạn ngắn hạn, Chính sách theo phạm vi quan hệ đối nội và đối ngoại, Chính sách theo tính chất ứng phó của chủ thể nhà nước chủ động đưa ra mặc dù chưa có nhu cầu xã hội, Chính sách theo tính chất tác động thúc đẩy kĩm hãm điều tiết hay tạo lập môi trường những bài học nằm ngoài giáo trình,

Nằm ngoài những gì bản thân em từng suy nghĩ và sẽ giúp em trưởng thành hơn trong việc nhìn nhận, xem xét và giải quyết vấn đề. Được làm việc trong môi trường thực tế, được trao cơ hội để áp dụng những kiến thức đã học vào công việc… sẽ nhanh chóng giúp em nhìn thấy những lỗ hổng của bản thân để có thể tiếp tục hoàn thiện. Mỗi sinh viên tham gia thực tập không chỉ được đào tạo về kiến thức mà còn được đào tạo về các kỹ năng những kinh nghiêm và những trải nghiệm cần thiết để phục vụ cho quá trình làm việc.

Điều quan trọng là bản thân em đã rút ra cho mình nhiêu bài học để vận dụng vào các dự định sắp tới.

## **3.2. Bài học kinh nghiệm về việc học hỏi kiến thức thực tế từ đơn vị thực tập.**

Sau gần 2 tháng thực tập tại phòng lao động thương binh và xã hội, Uỷ ban nhân dân thành phố vinh, với môi trường làm việc chuyên nghiệp và sự hướng dẫn tận tình của các cán bộ trong phòng, bản thân tôi đã có cơ hội được thực hành các kiến thức đã học ở trường và tiếp cận với những công việc hết sức hữu ích.

Cũng qua đợt thực tập này, đã giúp cho bản thân tôi thu nhận thêm một số kiến thức mới trên giấy tờ thực tế. Có những phương pháp mới, kỹ năng mới thiết thực cho công việc sau này như phân công phối hợp thực hiện nhiệm vụ được giao và giải quyết những tình huống trong phạm vi của phòng lao động thương binh và xã hội.

## **3.3. Bài học kinh nghiệm về việc rèn luyện kỹ năng, phẩm chất nghề nghiệp.**

Kỹ năng nghề nghiệp là tập hợp các khả năng, kiến thức, tư duy và đặc tính cá nhân cần thiết để thành công trong một lĩnh vực công việc cụ thể hoặc một ngành nghề nhất định. Đây là những kỹ năng và phẩm chất quan trọng để bạn có thể làm việc hiệu quả, phát triển sự nghiệp và đóng góp tích cực cho môi trường làm việc của mình. Các kỹ năng nghề nghiệp không chỉ bao gồm kỹ thuật và kiến thức chuyên môn, mà còn bao gồm các kỹ năng mềm như giao tiếp, quản lý thời gian, làm việc nhóm, quyết định, giải quyết vấn đề, khả năng thích nghi, tư duy sáng tạo và khả năng lãnh đạo.

Bài học kinh nghiệm liên quan đến rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp: Sự chủ động và tự tin: Hãy luôn tự tin và chủ động trong việc xác định hướng nghề nghiệp. Đừng ngần ngại tìm hiểu về sở trường, sở thích của bản thân và thực hiện các bước để định hướng nghề nghiệp

Nâng cao kỹ năng mềm: Kỹ năng mềm là yếu tố quan trọng để thành công trong công việc. Hãy tập trung vào việc phát triển giao tiếp, quản lý thời gian, làm việc nhóm và khả năng giải quyết vấn đề

Học hỏi từ trải nghiệm thực tế: Thực tập và làm việc trong môi trường thực tế sẽ giúp bạn rút ra nhiều bài học quý báu. Hãy chú ý quan sát, học hỏi từ đồng nghiệp và áp dụng kiến thức vào công việc hàng ngày

Xây dựng mối quan hệ: Khi làm việc, hãy tạo thêm nhiều mối quan hệ mới. Mạng lưới xã hội và mối quan hệ trong ngành nghề có thể giúp bạn tìm kiếm cơ hội việc làm và hỗ trợ trong sự nghiệp

Nhớ rằng, việc xác định hướng nghề nghiệp đúng đắn sẽ giúp bạn tiến đến thành công nhanh chóng hơn. Hãy luôn cải thiện kỹ năng của mình và tìm hiểu về lĩnh vực bạn muốn theo đuổi để đạt được mục tiêu nghề nghiệp của mình.

Bản thân em có đọc được đâu đó một câu nói như thế này thái độ và trình độ cái nào quan trọng hơn, thực tế cho thấy Thái độ và trình độ đều đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống và công việc. Tuy nhiên, có một số lý do mà thái độ thường được coi trọng hơn trình độ: Rèn luyện năng khiếu dễ hơn rèn luyện thái độ: Khi bạn có thái độ đúng đắn, bạn sẽ có động lực và dễ thích nghi, điều này giúp bạn cởi mở hơn và học các kỹ năng mới dễ dàng hơn. Trong khi cải thiện thái độ thường là thay đổi hành vi, việc này khó thực hiện hơn nhiều. Với thái độ đúng đắn, bạn có khả năng nắm rõ hầu hết các kỹ năng mới một cách thông thạo chỉ trong thời gian ngắn.

Thái độ ảnh hưởng đến hiệu suất công việc: Thái độ của bạn ảnh hưởng đến hiệu suất công việc. Khi bạn có thái độ làm việc không tốt, sẽ khó hòa nhập vào tổ chức và gây xung đột với văn hóa tổ chức. Những người có thái độ tồi tệ thường không chỉ hài lòng với việc được thảnh thơi, mà họ còn tìm cách tăng cường sự thảnh thơi cho nhân viên khác.

Thái độ giúp vượt qua trở ngại: Trong cuộc sống và công việc, chúng ta luôn đối mặt với thử thách và khó khăn. Thái độ đúng đắn giúp chúng ta vượt qua những trở ngại này. Kỹ năng phù hợp nhưng thiếu ý chí sử dụng chúng sẽ không giúp chúng ta đạt được thành công. Khi tuyển dụng, chúng ta cần tập trung vào thái độ cũng như kỹ năng chuyên môn của ứng viên. Vì vậy, thái độ đóng vai trò quan trọng hơn trình độ trong nhiều trường hợp.

## **3.4. Kiến nghị với Nhà trường để cải tiến học phần Thực tập cuối khoá.**

Qua quá trình nghiên cứu thực tế gần 2 tháng tại cơ quan em cũng xin được góp một số ý kiến hy vọng góp phần hoàn thiện quá trình thực tập:

Cần tăng các môn học chuyên ngành lên so với những môn đại cương. Bởi thực tiễn cho thấy, chỉ những kiến thức chuyên ngành mới có thể áp dụng vào công việc cụ thể. Bên cạnh đó cần dạy chuyên sâu hơn các môn chuyên ngành hẹp và đảm bảo các môn chuyên ngành mang tính thực tiễn, hạn chế các môn học mang tính lý luận.

Nhà trường phải hướng dân cụ thể chi tiết về phương thức trình bày, báo cao thực tập đồ án ra sao, tránh những trường hợp lúc nạp bài báo cáo rồi sinh viên lại sửa đi sửa lại, ý ở đây cũng không phải do nhà trường hoàn toàn và một phần cũng là của nhóm trưởng cũng không phổ biến gì, chỉ gửi lên nhóm thực tập và im im rứa thôi, cũng không trao đổi với nhóm là phải làm theo phụ lục hay mẫu này, thế nên hầu như sinh viên sẽ thương làm bài báo cáo như một bài tiểu luận kết thúc học phần nhưng nội dung sẽ nhiều hơn thôi.

Nên kéo dài thời gian thực tập hơn 2 tháng để sinh viên có thêm thời gian tìm hiểu kỹ hơn về công việc thực tiễn. Bên cạnh đó, cần chia thành các đợt thực tập để sinh viên có thể thực hành kỹ năng ở nhiều mảng khác nhau, tạo điều kiện tốt cho quá trình ra trường sau này. Và sau khi đã hết thời gian thực tập thì phải có khoảng một tuần để sinh viên có thể hoàn thiện bài báo cáo của mình, tránh trường hợp sinh viên vừa thực tập xong hôm nay, ngày mai phải nộp báo cáo, vì một số sinh viên thực tập ở vùng cao sẽ không kịp xuống để nộp báo cáo.

# KẾT LUẬN

Cùng với xu thế phát triển chung của thế giới và khu vực, đất nước ta đang trên đà phát triển, chỉ số phát triển kinh tế khá cao so với các nước trong khu vực, đời sống của nhân dân được nâng lên rõ rệt. Tuy nhiên bên cạnh sự giàu lên của khá đông nhân dân thì vẫn còn một bộ phận nhân dân vẫn còn sống dưới mức nghèo khổ, nguy cơ người có khả năng rơi vào nghèo vẫn còn cao, khoảng cách giàu nghèo ngày càng giãn ra.

Xóa đói giảm nghèo là cuộc đấu tranh vất vả, cam go và lâu dài chỉ có thể thành công nếu được thực hiện theo hướng bền vững. Xóa đói giảm nghèo theo hướng bền vững tức là phát triển vốn nhân lực của người nghèo, tạo môi trường và điều kiện cho người nghèo có cơ hội trong phát triển thoát nghèo, vươn lên no ấm. Đây cũng chính là giải quyết mối quan hệ giữa xóa đói giảm nghèo với tăng trưởng kinh tế, thực hiện công bằng xã hội. Xóa đói giảm nghèo theo hướng bền vững không chỉ tạo điều kiện cho tăng trưởng mà còn nâng cao năng lực cho người nghèo, tạo môi trường ổn định về chính trị xã hội cho phát triển kinh tế.

Để làm được điểm này, trước hết đòi hỏi nhà nước phải có một hệ thống cơ chế đồng bộ hỗ trợ phù hợp cho người nghèo, đồng thời bản thân người nghèo phải có ý thức vươn lên để thoát khỏi đói nghèo. Một yếu tố hết sức quan trọng nữa là toàn xã hội phải vào cuộc chiến chống đói nghèo thì chúng ta mới giành được thắng lợi.

Kết quả công tác xóa đói giảm nghèo ở thành phố Vinh từ năm 2000 đến nay đã đạt được những kết quả đáng phấn khởi. Đó là nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Đảng, Chính quyền và cả hệ thống chính trị. Công tác tuyên truyền sâu rộng và sự vào cuộc của tất cả các tổ chức mặt trận đoàn thể, nhân dân được tổ chức dưới nhiều hình thức phương pháp đã tạo thành sức mạnh tổng hợp cho công cuộc xóa đói giảm nghèo đạt hiệu quả.

Chương trình xóa đói giảm nghèo đã hợp với ý Đảng, lòng dân vì vậy đã khơi dậy tiềm năng và huy động nội lực của nhân dân, đặc biệt là các nguồn lực tại chỗ của cộng đồng, của doanh nghiệp, nguồn lực của trung ương và địa phương, trong nước và quốc tế; Khai thác được về thế mạnh và tiềm năng của các nguồn lực như vị trí địa lý, lao động đất đai, vốn, khoa học kỹ thuật, thị trường để thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo.

Về cơ bản đã triển khai các giải pháp, cơ chế về chính sách chương trình, dự án, hướng dẫn kinh nghiệm làm ăn, phát triển mô hình xóa đói giảm nghèo có hiệu quả vào những đối tượng khó khăn và khó khăn nhất. Các chương trình về xóa đói giảm nghèo ngày càng được ưu tiên các mục tiêu của chương trình ngày càng được nâng cao. Từ chỗ giải quyết những nhu cầu thiết yếu như vấn đề ăn, mặc, ở cho người nghèo thì hiện nay mục tiêu xóa đói giảm nghèo đã được nâng cao hơn đó là chú trọng vào việc nâng cao chất lượng sống cho người nghèo để họ được tiếp cận các dịch vụ cơ bản có chất lượng cao như đời sống văn hóa, phát triển giáo dục y tế.

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

1 Nghị quyết sô 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 *chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo* giai đoạn 2021- 2025.

2 Trần Phước Huy chuyên đề tốt nghiệp *thực trạng và giải pháp xóa đói giảm nghèo huyện quảng điền tỉnh thừa thiên huế* 2007 – 2011.

3 Phạm Duy Hưng Báo cáo thực tập tốt *nghiệp thực trạng và giải pháp giảm nghèo bền vũng ở xã trà tân huyện đức linh tỉnh bình thuận* 2014

4 Văn Giáp, Vân Anh Nguyễn Vân Anh *chính sách xóa đói giảm nghèo mục tiêu xuyên sốt trong quá trình xây dựng đất nước*.

5 Xóa đói giảm nghèo mục tiêu xuyên suốt trong quá trình xây dựng đất nước (*ĐCSVN) - Giảm nghèo bền vững luôn được Đảng và Nhà nước ta xác định là chủ trương nhất quán, xuyên suốt trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước, nhằm bảo đảm quyền con người và thực hiện các mục tiêu phát triển của LHQ.*

6 Văn kiện Đại hội XIII của Đảng về giải quyết vấn đề xã hội.

7 Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 Thủ tướng *Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững* giai đoạn 2016 – 2020.

8 Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 phê *duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững* giai đoạn 2021 – 2025.

9 Thủ tướng Phạm Minh Chính phát động Phong *trào thi đua chung tay Xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn cả nước từ nay đến năm 2025.*

10 Thứ trưởng Lê Văn Thanh làm việc tại tỉnh Thừa Thiên Huế về *thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.*

11 Bộ lao động thương binh và xã hội Cẩm nang Phần II về *cơ chế, chính sách về giảm nghèo* giai đoạn 2021-2025.